

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 30/06/2017

Tháng 7 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

CÔNG TY T...

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Xuân Tùng	Ủy viên
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên
Ông Lê Thanh Nghị	Ủy viên
Ông Hoàng Xuân Thành	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
Ông Trần Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Võ Trung Chính

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trình Bảo Ngọc

Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/07/2017, từ trang 06 đến trang 31 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30/06/2017, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 313,5 tỷ VND (tại ngày 31/12/2016 khoảng 198,7 tỷ VND), trong đó: kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 lỗ khoảng 87,2 tỷ VND. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

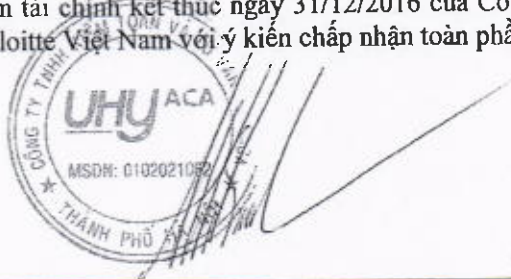
Các vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, theo công văn số 10084/BTC-CDKT ngày 28/08/2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán, Công ty đã ghi nhận số lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ động tạm thời nhàn rỗi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hòa Na tại khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 64.985.781.295 VND.

Kết luận của Kiểm toán viên đã trình bày không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Tự Trung

Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1226-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		174.931.407.582	196.987.472.917
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	95.494.387.368	119.698.140.125
Tiền	111		75.494.387.368	63.661.473.458
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	56.036.666.667
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	5.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.831.743.030	63.672.638.287
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	59.071.083.251	51.891.266.519
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.098.029.552	7.712.944.732
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.662.630.227	4.068.427.036
Hàng tồn kho	140	9	4.174.855.235	-
Hàng tồn kho	141		4.174.855.235	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		430.421.949	3.616.694.505
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	-	3.616.694.505
Thuế GTGT được khấu trừ	152		430.421.949	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.731.885.526.797	4.775.477.532.510
Tài sản cố định	220		4.535.190.671.191	4.665.044.859.155
Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.535.190.671.191	4.665.044.859.155
- Nguyên giá	222		5.664.910.305.144	5.662.002.254.042
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.129.719.633.953)	(996.957.394.887)
Tài sản dở dang dài hạn	240		186.536.366.814	104.133.756.288
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	186.536.366.814	104.133.756.288
Tài sản dài hạn khác	260		10.158.488.792	6.298.917.067
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.741.537.105	2.186.184.877
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12	8.416.951.687	4.112.732.190
TỔNG TÀI SẢN	270		4.906.816.934.379	4.972.465.005.427

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.757.842.284.041	2.736.309.189.712
Nợ ngắn hạn	310		488.404.966.414	395.732.312.942
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	154.170.561.876	152.297.708.234
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	5.197.322.007	7.443.340.553
Phải trả người lao động	314		1.291.949.765	2.890.958.130
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	18.831.191.488	19.867.307.269
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	11.303.824.316	11.391.558.943
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	297.586.735.544	201.751.058.395
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.381.418	90.381.418
Nợ dài hạn	330		2.269.437.317.627	2.340.576.876.770
Phải trả dài hạn khác	337	17	252.430.000	258.024.600
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	2.263.815.551.383	2.340.318.852.170
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	5.369.336.244	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.148.974.650.338	2.236.155.815.715
Vốn chủ sở hữu	410	21	2.148.974.650.338	2.236.155.815.715
Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.792.700.882	5.792.700.882
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(178.395.935.283)	(91.214.769.906)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(91.214.769.906)	(39.346.313.935)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(87.181.165.377)	(51.868.455.971)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		4.906.816.934.379	4.972.465.005.427



Trịnh Bảo Ngọc
Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 7 năm 2017

Võ Trung Chính
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh		Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	207.543.775.946	201.871.849.272
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		207.543.775.946	201.871.849.272
Giá vốn hàng bán	11	23	170.171.564.296	143.386.116.072
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.372.211.650	58.485.733.200
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.022.713.023	251.403.622
Chi phí tài chính	22	26	116.231.805.339	122.367.579.822
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>116.231.805.339</i>	<i>122.367.579.822</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	9.076.816.711	7.369.580.001
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(86.913.697.377)	(71.000.023.001)
Thu nhập khác	31		2.532.000	24.508.651
Chi phí khác	32		270.000.000	36.636.364
Lợi nhuận khác	40		(267.468.000)	(12.127.713)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(87.181.165.377)	(71.012.150.714)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(87.181.165.377)	(71.012.150.714)
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(386)	(315)



Trịnh Bảo Ngọc
 Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 7 năm 2017

Võ Trung Chính
 Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(87.181.165.377)	(71.012.150.714)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	132.762.239.066	130.154.869.984
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	05	(1.022.713.023)	(251.403.622)
Chi phí lãi vay	06	116.231.805.339	122.367.579.822
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	160.790.166.005	181.258.895.470
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(6.589.526.692)	42.743.946.279
Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(4.174.855.235)	-
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(955.816.932)	(213.395.833.162)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	4.061.342.277	2.484.660.034
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(109.554.627.022)	(115.471.003.083)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(148.439.655)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	37.910.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(110.504.600)	(110.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.355.648.146	(102.489.334.462)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(92.925.542.847)	(66.280.766.278)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.033.765.582	192.568.236
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(86.891.777.265)	(71.088.198.042)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	99.837.464.180	310.694.225.311
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(80.505.087.818)	(129.102.004.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.332.376.362	181.592.220.501
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(24.203.752.757)	8.014.687.997
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	119.698.140.125	33.677.214.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	95.494.387.368	41.691.902.638



Trịnh Bảo Ngọc
Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 7 năm 2017

Võ Trung Chính
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 ngày 16 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7, đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2017 là 116 người (tại ngày 31/12/2016: 116 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư xây dựng nhà ở văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất, sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hòa Na.

Chu trình sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP)

2.3 KHẢ NĂNG TIẾP TỤC HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 30/6/2017, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 313,5 tỷ VND (tại ngày 31/12/2016: 198,7 tỷ VND), trong đó Công ty có khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả là 297,6 tỷ VND (tại ngày 31/12/2016: khoảng 201,7 tỷ VND), kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 lỗ khoảng 87,2 tỷ VND. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương pháp sử dụng nguồn lợi từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty. Theo đó, Ban Giám đốc đánh giá rằng Báo cáo tài chính được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp. Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 chưa bao gồm những điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của vấn đề không chắc chắn nêu trên.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với các tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 - 05

3.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ cho mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.6 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

3.8. GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Từ năm tài chính 2017, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu bán điện bằng giá của nhà máy thủy điện cộng (+) với phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước theo hợp đồng mua bán điện số 01/2013/HD-NMĐ ngày 30/01/2013 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Hứa Na và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Từ năm tài chính 2016 trở về trước, Công ty không ghi nhận phần phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước vào doanh thu cũng như giá vốn bán điện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần có thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho tới khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

3.10 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch, tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hòa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động, được miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.11 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Công ty chỉ phát sinh duy nhất một hoạt động kinh doanh là sản xuất và kinh doanh điện năng, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trên cùng một khu vực địa lý (Nhà máy Thủy điện Hủa Na). Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cũng như lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	250.230.118	772.016.780
Tiền gửi ngân hàng	75.244.157.250	62.889.456.678
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	56.036.666.667
Cộng	95.494.387.368	119.698.140.125

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh với lãi suất là 4,3%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30/6/2017 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An. Lãi suất áp dụng 5,3%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty Mua bán điện	59.071.083.251	51.863.361.834
- Phải thu khách hàng khác	-	27.904.685
Cộng	59.071.083.251	51.891.266.519

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tổng Công ty Xây dựng 319	2.320.804.000	2.320.804.000
- Bộ Quốc phòng (*)		
- Doanh nghiệp tư nhân Thạch Phát	1.912.821.178	1.211.473.789
- Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	839.188.615	-
- Các đối tượng khác	3.025.215.759	4.180.666.943
Cộng	8.098.029.552	7.712.944.732

(*) Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng khoản trả trước cho Tổng Công ty Xây dựng 319 - Bộ Quốc phòng (Tổng Công ty 319) chắc chắn thu hồi được thông qua sản lượng công trình mà Tổng Công ty 319 đang thực hiện cho Công ty nên không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tạm ứng	627.234.349	773.453.331
- Lãi dự thu	121.044.774	132.097.333
- Giá trị Đường dây 220 KV bàn giao cho Công ty Truyền tải Điện 1 - Tổng Công ty Truyền tải Điện quốc gia	-	2.929.046.206
- Hội đồng Bồi thường và Tái định cư Công trình thủy điện Hòa Na	1.816.507.811	-
- Các khoản phải thu khác	97.843.293	233.830.166
Cộng	2.662.630.227	4.068.427.036

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.110.705.235	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	64.150.000	-	-	-
Cộng	4.174.855.235	-	-	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	-	3.616.694.505
- Chi phí bảo hiểm Nhà máy	-	3.616.694.505
Dài hạn	1.741.537.105	2.186.184.877
- Thiết bị, vật tư xuất dùng cho Nhà máy	1.741.537.105	2.186.184.877
Cộng	1.741.537.105	5.802.879.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Chi phí xây dựng	40.601.431.674	40.601.431.674	24.500.709.785	24.500.709.785
Chi phí thiết bị	422.946.649	422.946.649	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản khác	131.770.693.583	131.770.693.583	79.633.046.503	79.633.046.503
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	13.741.294.908	13.741.294.908	-	-
Cộng	186.536.366.814	186.536.366.814	104.133.756.288	104.133.756.288

Tại ngày 30/6/2017, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư chờ quyết toán. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng các khoản chi phí này sẽ được thu hồi trong tương lai sau khi Công ty hoàn thành việc quyết toán với địa phương.

12. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Tại ngày 30/6/2017, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng thay thế cho Nhà máy Thủy điện Hủa Na, nhận bàn giao từ Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ
01/01/2017 đến 30/06/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA
Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An
Số 7, đường Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2017	4.149.736.980.407	1.500.494.027.541	7.375.940.420	4.395.305.674	5.662.002.254.042
- Mua trong kỳ	-	1.011.770.600	-	-	1.011.770.600
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.896.280.502	-	-	-	1.896.280.502
30/06/2017	4.151.633.260.909	1.501.505.798.141	7.375.940.420	4.395.305.674	5.664.910.305.144
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2017	576.557.890.649	411.084.967.572	6.708.165.718	2.606.370.948	996.957.394.887
- Khấu hao trong kỳ	83.889.704.873	48.202.335.717	266.656.718	403.541.758	132.762.239.066
30/06/2017	660.447.595.522	459.287.303.289	6.974.822.436	3.009.912.706	1.129.719.633.953
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2017	3.573.179.089.758	1.089.409.059.969	667.774.702	1.788.934.726	4.665.044.859.155
30/06/2017	3.491.185.665.387	1.042.218.494.852	401.117.984	1.385.392.968	4.535.190.671.191

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2017 là 13.823.532.204 VND (tại ngày 31/12/2016: 6.177.627.811 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30/06/2017 là 4.535.190.671.191 VND.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỨA NA
Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An
Số 7, đường Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	154.170.561.876	154.170.561.876	152.297.708.234	152.297.708.234
- Ban điều hành Dự án Thủy điện Hòa Na - Tổng Công ty Sông Đà	78.038.109.575	78.038.109.575	79.717.032.931	79.717.032.931
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	11.311.234.892	11.311.234.892	12.311.234.892	12.311.234.892
- Tổng Công ty Láp máy Việt Nam	34.536.611.195	34.536.611.195	38.131.385.328	38.131.385.328
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí	6.334.349.872	6.334.349.872	2.275.592.594	2.275.592.594
- Các đối tượng khác	23.950.256.342	23.950.256.342	19.862.462.489	19.862.462.489
Cộng	154.170.561.876	154.170.561.876	152.297.708.234	152.297.708.234
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	40.870.961.067	40.870.961.067	40.406.977.922	40.406.977.922
- Tổng Công ty Láp máy Việt Nam	34.536.611.195	34.536.611.195	38.131.385.328	38.131.385.328
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí	6.334.349.872	6.334.349.872	2.275.592.594	2.275.592.594

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017		30/06/2017	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND
Các khoản phải trả	7.443.340.553	33.885.666.292	36.131.684.838	5.197.322.007
- Thuế giá trị gia tăng	2.944.696.937	14.229.812.803	15.899.498.483	1.275.011.257
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	148.439.655	-	148.439.655	-
- Thuế thu nhập cá nhân	147.899.647	429.932.502	562.280.964	15.551.185
- Thuế tài nguyên	2.588.690.654	15.419.160.707	15.132.605.796	2.875.245.565
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.278.000	1.278.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí dịch vụ môi trường rừng	1.613.613.660	3.802.482.280	4.384.581.940	1.031.514.000
Cộng	7.443.340.553	33.885.666.292	36.131.684.838	5.197.322.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lãi vay dự trả	15.301.977.571	8.624.799.254
Chi phí phải trả bảo hiểm	-	4.340.033.372
Chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	582.648.000	3.292.560.082
Chi phí phải trả các nhà thầu	2.638.816.744	3.093.736.564
Chi phí phải trả khác	307.749.173	516.177.997
Cộng	18.831.191.488	19.867.307.269

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	11.303.824.316	11.391.558.943
Kinh phí công đoàn	27.363.946	53.137.386
Đoàn phí công đoàn	21.711.501	40.515.133
Bảo hiểm xã hội	205.324.315	44.045.778
Bảo hiểm y tế	38.323.162	6.258.387
Bảo hiểm thất nghiệp	14.804.228	242.004
Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng (*)	10.761.655.094	9.912.768.287
Hội đồng bồi thường Công trình Thủy điện Hòa Na	-	1.169.509.889
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	234.642.070	165.082.079
Dài hạn	252.430.000	258.024.600
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	252.430.000	258.024.600
Cộng	11.556.254.316	11.649.583.543

(*) Tại ngày 30/06/2017, số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng phản ánh khoản thuế tài nguyên, thuế GTGT và thuế bảo vệ môi trường mà Công ty tạm tính tương ứng với doanh thu phát điện lưới tháng 6/2017 nhưng chưa kê khai, nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Là khoản trích lập dự phòng phải trả về chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là Nhà máy Thủy điện Hòa Na định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Chi phí dự phòng được ghi nhận dựa trên kế hoạch chi phí sửa chữa bảo dưỡng Nhà máy theo chu kỳ 4 năm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ
01/01/2017 đến 30/06/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÚA NA
Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An
Số 7, đường Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh (*)	29.754.084.031	29.754.084.031	15.425.136.014	15.425.136.014
Vay dài hạn đến hạn trả	29.754.084.031	29.754.084.031	15.425.136.014	15.425.136.014
- Chi tiết tại thuyết minh số 20	267.832.651.513	267.832.651.513	186.325.922.381	186.325.922.381
Cộng	297.586.735.544	297.586.735.544	201.751.058.395	201.751.058.395

(*) Ngày 17/10/2016, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 0067.HĐTD1-404.15 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh (VIB), hạn mức 30 tỷ VND, kỳ hạn 6 tháng. Mục đích cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, các khoản chi phí và các khoản thuế, phí, tiền môi trường rừng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy điện. Lãi suất cho vay thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu của Công ty từ kinh doanh điện.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ
01/01/2017 đến 30/06/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỨA NA
Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An
Số 7, đường Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (1)	1.362.339.106.579	1.362.339.106.579	-	110.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (2)	215.727.118.976	215.727.118.976	-	17.976.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	300.291.440.980	300.291.440.980	-	6.095.240.936
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (4)	385.457.884.848	385.457.884.848	70.083.380.149	12.515.440.000
Cộng	2.263.815.551.383	2.263.815.551.383	70.083.380.149	146.586.680.936
				2.340.318.852.170
				2.340.318.852.170

- (1) Ngày 16/10/2008, Công ty ký hợp đồng tín dụng đầu tư số 382/HĐTĐĐT/NHPT với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 2.240 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án Xây dựng Công trình Thủy điện Hòa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2020, chịu lãi suất theo lãi suất công bố của Bộ Tài chính theo từng thời điểm giải ngân, lãi vay trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này.
- Ngày 19/10/2011, Công ty ký hợp đồng tín dụng đầu tư (cho vay bổ sung) số 68/2011/HĐTĐĐT-NHPT với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 411 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án Xây dựng Công trình Thủy điện Hòa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2020, chịu lãi suất thỏa thuận cố định 15,6%/năm. Ngày 03/02/2015, Công ty đã ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 06/2015/HĐTĐĐT-NHPT-NAN điều chỉnh mức lãi suất này về 11%/năm, áp dụng từ ngày 01/01/2015. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này. Ngày 28/04/2017, Công ty ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số 07/2017/HĐSD,BS-NHPT-NAN, nội dung sửa đổi lịch trả nợ gốc, lãi suất của Hợp đồng số 382 và Hợp đồng số 68.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

- (2) Ngày 05/03/2012, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 12.08.005/HĐTD/HUANA với Ngân hàng TTMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 400 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Dự án Xây dựng Công trình Thủy điện Hủa Na. Theo Thông báo số 138/TB-CNTPHN ngày 16/01/2013, Ngân hàng TTMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội điều chỉnh tổng hạn mức tín dụng cho Công ty thành 371,216 tỷ VND. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2024, chịu lãi suất cơ sở cộng 4,5%/năm, lãi vay trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay này.
- (3) Ngày 18/8/2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn đồng tài trợ với 03 (ba) ngân hàng bao gồm Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Pvccombank) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á. Theo Phụ lục hợp đồng số 01.09.001.286688.TD tháng 8 năm 2012, khoản vay đồng tài trợ này thay đổi chỉ còn 02 (hai) ngân hàng tài trợ bao gồm MB (ngân hàng đầu mối) và PvcomBank với tổng số tiền cho vay vốn là 328,784 tỷ VND. Các khoản vay được Công ty dùng để thanh toán một phần các chi phí đầu tư máy móc thiết bị thủy công, thủy lực của Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2023, chịu lãi suất bình quân lãi suất tham chiếu cộng 4,2%/năm nhưng không thấp hơn bình quân lãi suất cho vay trung dài hạn tối thiểu của các bên cho vay (10,25%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016), lãi vay trả hàng quý. Công ty sử dụng toàn bộ công trình, quyền tài sản hình thành từ công trình, bất động sản khác và bảo lãnh thanh toán của Công ty TNHH MV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay này.
- (4) Ngày 17/12/2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 200 tỷ. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí thi công của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 05 (năm) ngân hàng bao gồm Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP An Bình cộng biên độ 4,2%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu trung/dài hạn theo quy định của Ngân hàng TMCP An Bình (9,54%/năm tại ngày 30/06/2017), lãi trả 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của dự án, cam kết trả nợ thay của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam hoặc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và số dư tài khoản/hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na và/hoặc Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và/hoặc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Ngày 21/01/2016, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 300 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là tài trợ các khoản chi phí tăng thêm sau điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Hủa Na do Công ty là chủ đầu tư. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2017 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (lãi trả sau) của 03 (ba) Ngân hàng bao gồm Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP An Bình cộng biên độ 1,5%/năm trong năm thứ hai và 2,2%/năm từ năm thứ ba, lãi vay trả 6 tháng/lần (8,4%/năm tại ngày 30/06/2017). Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Chi tiết khoản vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng của từng Ngân hàng như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An	195.853.627.905	115.853.627.905
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	35.952.000.000	35.952.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	11.027.023.608	9.520.294.476
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	25.000.000.000	25.000.000.000
Tổng	267.832.651.513	186.325.922.381

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 2.256.592.100.000 VND. Tại ngày 30/6/2017, vốn điều lệ thực góp như sau:

Cổ đông	30/06/2017		01/01/2017	
	Tổng số vốn	Tỷ lệ	Tổng số vốn	Tỷ lệ
	đã góp VND	vốn góp %	đã góp VND	vốn góp %
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.898.727.600.000	84,14%	1.898.727.600.000	84,14%
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.273.444	3,9%	87.200.273.444	3,86%
Ngân hàng TMCP Bắc Á	115.500.000.000	5,1%	115.500.000.000	5,12%
Ngân hàng TMCP Quân đội	105.000.000.000	4,7%	105.000.000.000	4,65%
Các đối tượng khác	50.164.230.000	2,22%	50.164.230.000	2,22%
	2.256.592.103.444	100%	2.256.592.103.444	100%

21.2 CỔ PHIẾU

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ
01/01/2017 đến 30/06/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THUYẾT ĐIỆN HỮA NA
Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An
Số 7, đường Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
- (Lỗ) trong năm 31/12/2016	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(91.214.769.906)	2.236.155.815.715
01/01/2017	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(91.214.769.906)	2.236.155.815.715
- (Lỗ) trong kỳ 30/06/2017	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(178.395.935.283)	2.148.974.650.338

(*) Theo nội dung Công văn số 10084/BTC-CĐKT ngày 28/08/2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán: "Công ty được hạch toán giảm chi phí quản lý dự án hoặc ghi tăng vốn kinh doanh khoản lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhân rồi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình thủy điện...". Theo đó, Công ty đã ghi nhận khoản lãi tiền gửi phát sinh này trên khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" của Bảng cân đối kế toán, với số tiền lũy kế đến ngày 30/06/2017 là 64.985.781.295 VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc trình bày nêu trên mặc dù khác biệt với quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam nhưng phù hợp với hoạt động của Công ty và đã được Bộ Tài chính chấp nhận bằng văn bản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu điện phát lưới	207.543.775.946	201.871.849.272
	<u>207.543.775.946</u>	<u>201.871.849.272</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn phát điện	170.171.564.296	143.386.116.072
	<u>170.171.564.296</u>	<u>143.386.116.072</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.493.653.050	1.422.377.105
Chi phí nhân công	11.633.117.253	10.345.603.167
Khấu hao tài sản cố định	132.762.239.066	130.154.869.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.690.155.122	5.427.656.121
Chi phí bằng tiền khác	21.669.216.516	3.405.189.696
	<u>179.248.381.007</u>	<u>150.755.696.073</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.022.713.023	251.403.622
	<u>1.022.713.023</u>	<u>251.403.622</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	116.231.805.339	122.367.579.822
	<u>116.231.805.339</u>	<u>122.367.579.822</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.119.944.051	4.222.141.869
Chi phí vật liệu quản lý	398.752.696	111.751.159
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	574.253.776	596.442.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	619.087.300	368.273.140
Chi phí khác bằng tiền	2.364.778.888	2.070.971.690
Cộng	9.076.816.711	7.369.580.001

28. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
(Lỗ) trong kỳ (VND)	(87.181.165.377)	(71.012.150.714)
Số trích quỹ khen thưởng (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(87.181.165.377)	(71.012.150.714)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	225.659.210	225.659.210
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(386)	(315)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa sử dụng nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20, trừ số dư khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	2.561.402.286.927	2.542.069.910.565
Trừ: tiền	95.494.387.368	119.698.140.125
Nợ thuần	2.465.907.899.559	2.422.371.770.440
Vốn chủ sở hữu	2.148.974.650.338	2.236.155.815.715
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	115%	108%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.6.

	Giá trị ghi sổ 30/06/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.494.387.368	119.698.140.125
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.192.128.025	54.952.410.058
Cộng	159.686.515.393	184.650.550.183
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.561.402.286.927	2.542.069.910.565
Phải trả người bán và phải trả khác	154.422.991.876	152.555.732.834
Chi phí phải trả	18.831.191.488	19.867.307.269
Cộng	2.734.656.470.291	2.714.492.950.668

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì và cơ cấu lại khoản vay một cách hợp lý, trong đó bao gồm cả việc đàm phán với các Ngân hàng cho vay để khoản vay được áp dụng lãi suất phù hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro về giá bán điện

Công ty chỉ bán điện cho Công ty Mua bán Điện (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Giá bán điện ra thị trường của Tập đoàn Điện lực Việt Nam có sự điều tiết của Nhà nước, do đó, giá điện đầu vào của Công ty Mua bán điện cũng chịu sự điều tiết này. Do vậy, Công ty sẽ phải chịu rủi ro từ việc thay đổi giá mua, bán điện.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng bởi vì các khoản phải thu của Công ty đến từ duy nhất đối tượng Công ty Mua bán điện, đơn vị độc quyền mua bán điện từ các Nhà máy sản xuất điện, là Doanh nghiệp 100% Vốn Nhà nước, đảm bảo việc mua bán, phân phối điện lưới quốc gia.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Cộng VND
30/06/2017			
Các khoản vay	297.586.735.544	2.263.815.551.383	2.561.402.286.927
Phải trả người bán và phải trả khác	154.170.561.876	252.430.000	154.422.991.876
Chi phí phải trả	18.831.191.488	-	18.831.191.488
	470.588.488.908	2.264.067.981.383	2.734.656.470.291
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
01/01/2017			
Các khoản vay	201.751.058.395	2.340.318.852.170	2.542.069.910.565
Phải trả người bán và phải trả khác	152.297.708.234	258.024.600	152.555.732.834
Chi phí phải trả	19.867.307.269	-	19.867.307.269
	373.916.073.898	2.340.576.876.770	2.714.492.950.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
30/06/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.494.387.368	-	95.494.387.368
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.192.128.025	-	59.192.128.025
	159.686.515.393	-	159.686.515.393
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.698.140.125	-	119.698.140.125
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.952.410.058	-	54.952.410.058
	184.650.550.183	-	184.650.550.183

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản đang ở mức rất cao, tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng dòng tiền các kỳ sau sẽ khả quan hơn để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí	Cùng chủ sở hữu

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Vay vốn	50.559.041.059	42.531.702.147
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	42.531.702.147
Trả vốn vay	25.279.520.529	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội	4.588.511.804	-
Mua hàng	10.345.504.363	-
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ Thuật Điện lực Dầu khí	10.345.504.363	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30/06/2017 như sau:

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Vay ngắn hạn	311.318.464.588	315.906.976.392
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	311.318.464.588	315.906.976.392
Phải trả người bán	40.870.961.067	40.406.977.922
Công ty CP Dịch vụ Kỹ Thuật Điện lực Dầu khí	6.334.349.872	2.275.592.594
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	34.536.611.195	38.131.385.328

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán.



Trịnh Bảo Ngọc
Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 7 năm 2017

Võ Trung Chính
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu

CHƯƠNG THỰC BẢN SÁNG
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY 07-09-2017
Số chứng thực... 07-05... Quyển số.....SCT/BS
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG LÊ MAO



Bùi Văn Dũng